

*Lịch sử văn hóa Thái.com*

*Tailingo – Tự học chữ Thái*

*Tập Tô*

*แ๑๒ แ๓*

*Ngày 1 Tháng 4 Năm 2022*

ຄວາມປາໄສ ທີ່ ທ້ວ ຊຽງ ຄຸນ

ທາທ ແອບ ຊັ ຄຸນ

ແອບ ແຕມ

ມີ ດີ ຄຸນ 4 ປີ 2022

# MỤC LỤC







PHẦN A: BẢNG CHỮ CÁI.....	2
I.    BẢNG CHỮ CÁI PHỤ ÂM – TÔ (48).....	3
III.   BẢNG CHỮ CÁI NGUYÊN ÂM – ÂM KÉP (19).....	13
IV.   KÝ TỰ ĐẶC BIỆT (6) .....	18
V.    MAI XIÊNG (DẤU THANH ĐIỆU) (2).....	18
CÁCH ĐẶT MAI XIÊNG.....	18
VI.   PHỤ ÂM CUỐI (8).....	19
PHẦN B: QUY TẮC THANH ĐIỆU.....	20
VII.  CÁC THANH ĐIỆU TRONG TIẾNG THÁI, DẤU PHIÊN ÂM.....	21
VIII. CÁC THANH ĐIỆU TRONG TIẾNG THÁI, DẤU PHIÊN ÂM.....	21
IX.   MỘT SỐ VÍ DỤ.....	22
PHẦN C: QUY TẮC GHÉP CHỮ.....	24
X.    SỬ DỤNG PHỤ ÂM CUỐI .....	25
XI.   MAY ĐỨNG SAU PHỤ ÂM ĐẦU.....	28
XII.  MAY ĐỨNG TRÊN/DƯỚI PHỤ ÂM ĐẦU.....	28
XIII. MAY ĐỨNG TRƯỚC PHỤ ÂM ĐẦU.....	31
XIV.  MAY KÉP.....	32
XV.   BÁN ÂM -๑- (-w/-u,-o-) .....	33
XVI.  PHỤ ÂM CUỐI -๑ LÀM ÂM CÂM .....	33
PHẦN D: PHỤ LỤC.....	34
XVII. SÔNG CHỤ SON SAO (Trích) .....	35
XVIII. HIẾN HOM (Trích).....	42
XIX.  MỘT SỐ BÀI ĐỒNG GIAO .....	47
ᨧᩢ᩠ᨦᩣ᩠ᩅ᩠ᨦᩣ᩠ᩅ - Xăm Xāy (Ba thầy).....	47
ᨧᩢ᩠ᨦᩣ᩠ᩅ᩠ᨦᩣ᩠ᩅ - Kháp khék đét (Hát gọi nắng) .....	47
ᨧᩢ᩠ᨦᩣ᩠ᩅ᩠ᨦᩣ᩠ᩅ - Khék lỏm (Gọi gió).....	48
ᨧᩢ᩠ᨦᩣ᩠ᩅ᩠ᨦᩣ᩠ᩅ - Khék phồn (Gọi mưa).....	48

# PHẦN A

# BẢNG CHỮ CÁI

- Tô (phụ âm): 24 cặp
- May (nguyên âm – âm kép): 19
- Ký tự đặc biệt: 6
- Mai xiêng (dấu thanh điệu): 2
- Phụ âm cuối

# I. BẢNG CHỮ CÁI PHỤ ÂM – TÔ (48)

1.							
2.							
3.		B					
4.		B					
5.		C,K,Q					
6.		C,K,Q					
7.		Ch					
8.		Ch					
9.		D					
10.		D					
11.		Đ					
12.		Đ					

13.	ຫ	H	ຫ	ຫ	ຫ	ຫ	ຫ
14.	ທ	H	ທ	ທ	ທ	ທ	ທ
15.	ຸ	Kh	ຸ	ຸ	ຸ	ຸ	ຸ
16.	ຊ	Kh	ຊ	ຊ	ຊ	ຊ	ຊ
17.	ຫຼ	L	ຫຼ	ຫຼ	ຫຼ	ຫຼ	ຫຼ
18.	ຊຸ	L	ຊຸ	ຊຸ	ຊຸ	ຊຸ	ຊຸ
19.	ໝ	M	ໝ	ໝ	ໝ	ໝ	ໝ
20.	ນ	M	ນ	ນ	ນ	ນ	ນ
21.	ໜ	N	ໜ	ໜ	ໜ	ໜ	ໜ
22.	ຸ	N	ຸ	ຸ	ຸ	ຸ	ຸ
23.	ໜ້	Ng	ໜ້	ໜ້	ໜ້	ໜ້	ໜ້
24.	ຮ	Ng	ຮ	ຮ	ຮ	ຮ	ຮ
25.	ຫງ	Nh	ຫງ	ຫງ	ຫງ	ຫງ	ຫງ

26.	၅	Nh	၅	၅	၅	၅	၅
27.	ၖ	P	ၖ	ၖ	ၖ	ၖ	ၖ
28.	ၗ	P	ၗ	ၗ	ၗ	ၗ	ၗ
29.	ၘ	Ph	ၘ	ၘ	ၘ	ၘ	ၘ
30.	ၙ	Ph	ၙ	ၙ	ၙ	ၙ	ၙ
31.	ၚ	X,S	ၚ	ၚ	ၚ	ၚ	ၚ
32.	ၛ	X,S	ၛ	ၛ	ၛ	ၛ	ၛ
33.	ၜ	T	ၜ	ၜ	ၜ	ၜ	ၜ
34.	ၝ	T	ၝ	ၝ	ၝ	ၝ	ၝ
35.	ၞ	Th	ၞ	ၞ	ၞ	ၞ	ၞ
36.	ၟ	Th	ၟ	ၟ	ၟ	ၟ	ၟ
37.	ၠ	V	ၠ	ၠ	ၠ	ၠ	ၠ
38.	ၡ	V	ၡ	ၡ	ၡ	ၡ	ၡ

39.	ឃ	Khh	ឃ	ឃ	ឃ	ឃ	ឃ
40.	ឃ្យ	Khh	ឃ្យ	ឃ្យ	ឃ្យ	ឃ្យ	ឃ្យ
41.	ផ	Phh	ផ	ផ	ផ	ផ	ផ
42.	ផ្ស	Phh	ផ្ស	ផ្ស	ផ្ស	ផ្ស	ផ្ស
43.	ផ្ទ	Chh/Ts	ផ្ទ	ផ្ទ	ផ្ទ	ផ្ទ	ផ្ទ
44.	ផ្ទ្យ	Chh/Ts	ផ្ទ្យ	ផ្ទ្យ	ផ្ទ្យ	ផ្ទ្យ	ផ្ទ្យ
45.	ក	G	ក	ក	ក	ក	ក
46.	ក្យ	G	ក្យ	ក្យ	ក្យ	ក្យ	ក្យ
47.	ក	R	ក	ក	ក	ក	ក
48.	ក	R	ក	ក	ក	ក	ក



ဇ	ဇ	ဇ	ဇ	ဇ	ဇ
ဇ	ဇ	ဇ	ဇ	ဇ	ဇ
ဇွ	ဇွ	ဇွ	ဇွ	ဇွ	ဇွ
ဇွ	ဇွ	ဇွ	ဇွ	ဇွ	ဇွ
ပ	ပ	ပ	ပ	ပ	ပ
ပ	ပ	ပ	ပ	ပ	ပ
ဖ	ဖ	ဖ	ဖ	ဖ	ဖ
ဖ	ဖ	ဖ	ဖ	ဖ	ဖ
က	က	က	က	က	က
က	က	က	က	က	က
ဇ	ဇ	ဇ	ဇ	ဇ	ဇ
ဇ	ဇ	ဇ	ဇ	ဇ	ဇ
ဇ	ဇ	ဇ	ဇ	ဇ	ဇ
ဇ	ဇ	ဇ	ဇ	ဇ	ဇ

f f f f f f  
f f f f f f  
v v v v v v  
v v v v v v  
o o o o o o  
o o o o o o  
u u u u u u  
u u u u u u  
w w w w w w  
w w w w w w  
w w w w w w  
w w w w w w  
a' a' a' a' a' a'  
a' a' a' a' a' a'  
3 3 3 3 3 3  
3 3 3 3 3 3









































































၅	၅	၅	၅	၅	၅
၅	၅	၅	၅	၅	၅
၆	၆	၆	၆	၆	၆
၆	၆	၆	၆	၆	၆
၇	၇	၇	၇	၇	၇
၇	၇	၇	၇	၇	၇
၈	၈	၈	၈	၈	၈
၈	၈	၈	၈	၈	၈
၉	၉	၉	၉	၉	၉
၉	၉	၉	၉	၉	၉
၁၀	၁၀	၁၀	၁၀	၁၀	၁၀
၁၀	၁၀	၁၀	၁၀	၁၀	၁၀
၁၁	၁၁	၁၁	၁၁	၁၁	၁၁
၁၁	၁၁	၁၁	၁၁	၁၁	၁၁
၁၂	၁၂	၁၂	၁၂	၁၂	၁၂
၁၂	၁၂	၁၂	၁၂	၁၂	၁၂
၁၃	၁၃	၁၃	၁၃	၁၃	၁၃
၁၃	၁၃	၁၃	၁၃	၁၃	၁၃
၁၄	၁၄	၁၄	၁၄	၁၄	၁၄
၁၄	၁၄	၁၄	၁၄	၁၄	၁၄
၁၅	၁၅	၁၅	၁၅	၁၅	၁၅
၁၅	၁၅	၁၅	၁၅	၁၅	၁၅
၁၆	၁၆	၁၆	၁၆	၁၆	၁၆
၁၆	၁၆	၁၆	၁၆	၁၆	၁၆
၁၇	၁၇	၁၇	၁၇	၁၇	၁၇
၁၇	၁၇	၁၇	၁၇	၁၇	၁၇
၁၈	၁၈	၁၈	၁၈	၁၈	၁၈
၁၈	၁၈	၁၈	၁၈	၁၈	၁၈
၁၉	၁၉	၁၉	၁၉	၁၉	၁၉
၁၉	၁၉	၁၉	၁၉	၁၉	၁၉
၂၀	၂၀	၂၀	၂၀	၂၀	၂၀
၂၀	၂၀	၂၀	၂၀	၂၀	၂၀



























ဟ	ဟ	ဟ	ဟ	ဟ	ဟ
ဟ	ဟ	ဟ	ဟ	ဟ	ဟ
၅	၅	၅	၅	၅	၅
၅	၅	၅	၅	၅	၅
၎	၎	၎	၎	၎	၎
၎	၎	၎	၎	၎	၎
၎	၎	၎	၎	၎	၎
၎	၎	၎	၎	၎	၎
၎	၎	၎	၎	၎	၎
၎	၎	၎	၎	၎	၎
၎	၎	၎	၎	၎	၎
၎	၎	၎	၎	၎	၎
၎	၎	၎	၎	၎	၎
၎	၎	၎	၎	၎	၎
၎	၎	၎	၎	၎	၎
၎	၎	၎	၎	၎	၎

တ	တ	တ	တ	တ	တ
တ	တ	တ	တ	တ	တ
ဏ	ဏ	ဏ	ဏ	ဏ	ဏ
ဏ	ဏ	ဏ	ဏ	ဏ	ဏ
၇	၇	၇	၇	၇	၇
၇	၇	၇	၇	၇	၇
ပု	ပု	ပု	ပု	ပု	ပု
ပု	ပု	ပု	ပု	ပု	ပု
ဖဝ	ဖဝ	ဖဝ	ဖဝ	ဖဝ	ဖဝ
ဖဝ	ဖဝ	ဖဝ	ဖဝ	ဖဝ	ဖဝ
ခ	ခ	ခ	ခ	ခ	ခ
ခ	ခ	ခ	ခ	ခ	ခ
ခါ	ခါ	ခါ	ခါ	ခါ	ခါ
ခါ	ခါ	ခါ	ခါ	ခါ	ခါ
ဖွ	ဖွ	ဖွ	ဖွ	ဖွ	ဖွ
ဖွ	ဖွ	ဖွ	ဖွ	ဖွ	ဖွ

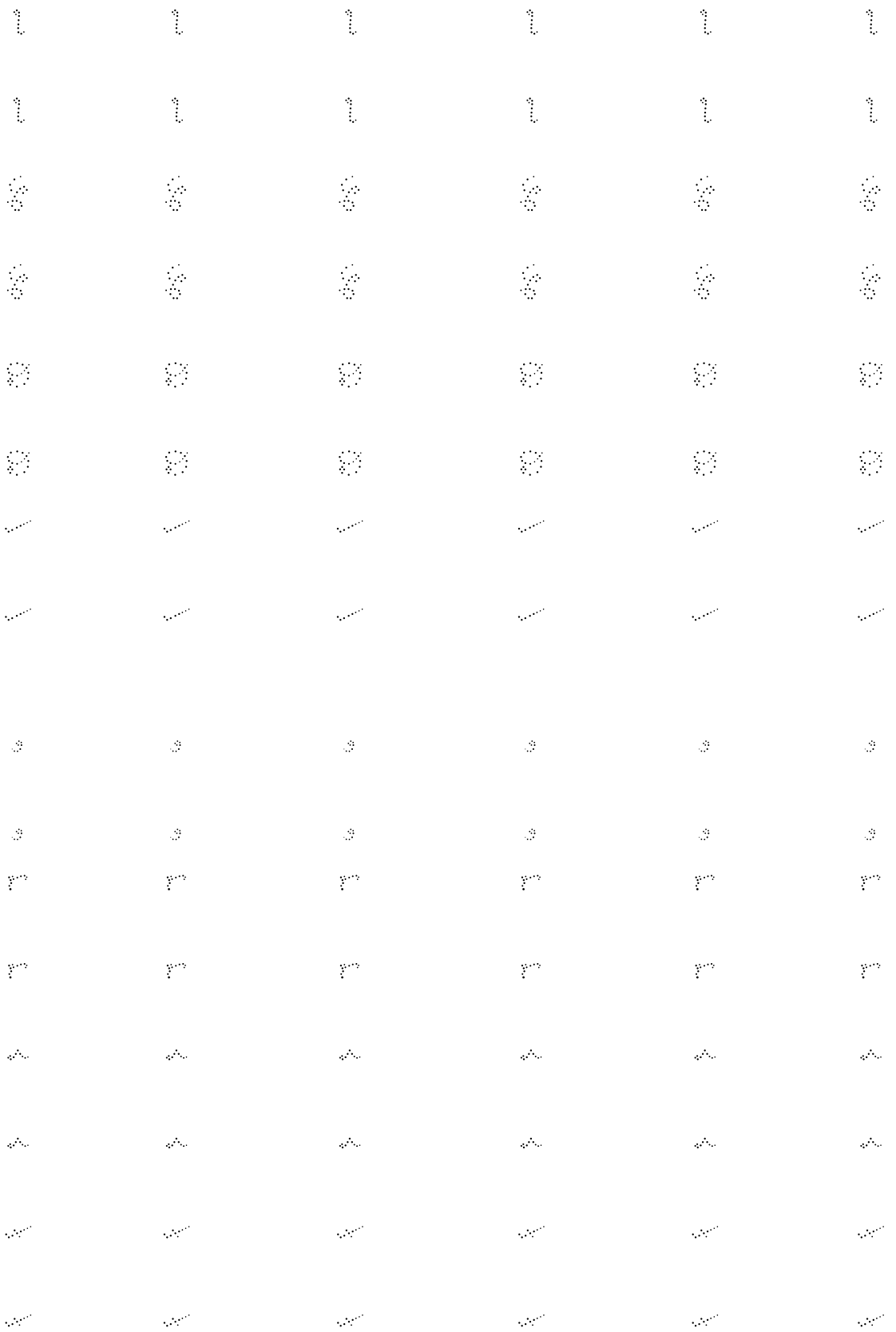
ឥ	ឥ	ឥ	ឥ	ឥ	ឥ
ឥ	ឥ	ឥ	ឥ	ឥ	ឥ
ឃ	ឃ	ឃ	ឃ	ឃ	ឃ
ឃ	ឃ	ឃ	ឃ	ឃ	ឃ
ឥ	ឥ	ឥ	ឥ	ឥ	ឥ
ឥ	ឥ	ឥ	ឥ	ឥ	ឥ
ឥ	ឥ	ឥ	ឥ	ឥ	ឥ
ឥ	ឥ	ឥ	ឥ	ឥ	ឥ
ឃ	ឃ	ឃ	ឃ	ឃ	ឃ
ឃ	ឃ	ឃ	ឃ	ឃ	ឃ
ឃ	ឃ	ឃ	ឃ	ឃ	ឃ
ឃ	ឃ	ឃ	ឃ	ឃ	ឃ
ឃ	ឃ	ឃ	ឃ	ឃ	ឃ
ក	ក	ក	ក	ក	ក
ក	ក	ក	ក	ក	ក
ក	ក	ក	ក	ក	ក
ក	ក	ក	ក	ក	ក

### III. BẢNG CHỮ CÁI NGUYÊN ÂM – ÂM KÉP (19)

1.		May ca (a)					
2.		May cua (-uô-/-ua)					
3.		May o (-o-)					
4.		May khít (-o)					
5.		May cu (u)					
6.		May cu (u)					
7.		May ki (i)					
8.		May kia (-iê-/-ia)					
9.		May cãng (ã)					
10.		May cãm (-ãm)					
11.		May cãn (-ăn)					
12.		May cưa (-ươ-/-ưa)					

13.  May ke (e)                    
14.  May cô (ô)                    
15.  May cay (-ay)                    
16.  May caur (au)                    
17.  May kê (ê)                    
18.  May cơ (ơ)                    
19.      May cau (au)                    









#### IV. KÝ TỰ ĐẶC BIỆT (6)

- |                                            |  |  |  |  |  |  |
|--------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|
| 1. Nung<br>(Một – số 1)                    |  |  |  |  |  |  |
| 2. Côn<br>(Người)                          |  |  |  |  |  |  |
| 3. Ho hơi<br>(Bắt đầu bài<br>thơ, khắp)    |  |  |  |  |  |  |
| 4. Pày pày<br>(Vân vân)                    |  |  |  |  |  |  |
| 5. Lãi sặm<br>(Nhắc lại từ<br>trước nó)    |  |  |  |  |  |  |
| 6. Chao hơi<br>(Kết thúc bài<br>thơ, khắp) |  |  |  |  |  |  |

#### V. MAI XIÊNG (DẤU THANH ĐIỆU) (2)

- |                                       |  |  |  |  |  |  |
|---------------------------------------|--|--|--|--|--|--|
| 1. Mai xiêng<br>nung<br>(Dấu thanh 1) |  |  |  |  |  |  |
| 2. Mai xiêng xong<br>(Dấu thanh 2)    |  |  |  |  |  |  |

#### CÁCH ĐẶT MAI XIÊNG

- Khi từ có cả **mai xiêng** và **may** thì **mai xiêng** ở trên **may**.



- Mai xiêng đặt trên phụ âm chính.

ư	ư	ư	ư	ư	ư
ư	ư	ư	ư	ư	ư

**VI. PHỤ ÂM CUỐI (8)**

- |    |     |           |   |   |   |   |   |
|----|-----|-----------|---|---|---|---|---|
| 1. | - ư | -p        | ư | ư | ư | ư | ư |
| 2. | - ư | -c,-k,-ch | ư | ư | ư | ư | ư |
| 3. | - ư | -i, _     | ư | ư | ư | ư | ư |
| 4. | - ư | -t        | ư | ư | ư | ư | ư |
| 5. | - ư | -m        | ư | ư | ư | ư | ư |
| 6. | - ư | -n        | ư | ư | ư | ư | ư |
| 7. | - ư | -ng, -nh  | ư | ư | ư | ư | ư |
| 8. | - ư | -u,-o     | ư | ư | ư | ư | ư |

## PHẦN B

# QUY TẮC THANH ĐIỆU

- Các thanh điệu tiếng Thái, dấu phiên âm.
- Quy tắc đặt dấu thanh điệu.
- Một số ví dụ.

## VII. CÁC THANH ĐIỆU TRONG TIẾNG THÁI, DẤU PHIÊN ÂM

Tiếng Thái (Việt Nam) có tất cả 8 thanh điệu, có 6 thanh điệu cơ bản và 2 âm tắc, trong đó có 4 thanh điệu tổ thấp và 4 thanh điệu tổ cao.

Các dấu thanh điệu dưới đây được đọc theo giọng Thái, chứ k đọc theo giọng tiếng Việt.

### Tổ thấp

1	à	Huyền
3	á	Sắc
5	ả	Hỏi
7	ák	Sắc+k

### Tổ cao

2	ā	Ngang
4	a	Không dấu
6	ạ	Nặng
8	ạk	Nặng+k

(Số thứ tự trên đây chỉ đặt để người học dễ nhận diện thanh điệu - tổ thấp số lẻ, tổ cao số chẵn. Chúng không đồng nhất với các tài liệu dạy chữ Thái khác)

## VIII. CÁC THANH ĐIỆU TRONG TIẾNG THÁI, DẤU PHIÊN ÂM

### Tổ thấp

Không Mai xiêng		mà	1
Mai xiêng 1		má	3
Mai xiêng 2		mả	5
Không Mai xiêng+n		mák	7


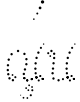







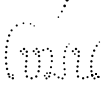
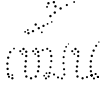




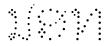








### Tổ cao

	mā	2
	ma	4
	mạ	6
	mạk	8

**IX. MỘT SỐ VÍ DỤ**

Mân	Mán	Mãn	
Mãn	Man	Mạn	
Pè	Pé	Pẻ	Pék
Pē	Pe	Pẹ	Pẹk
Pèng	Pẻng	Pẻng	
Pēng	Peng	Pẹng	
Hò	Hó	Hỏ	Hók
Hō	Ho	Họ	Họk
Hòn	Hón	Hỏn	
Hõn	Hon	Hỏn	



			
Khua	Khun	Khua	Khuok
			
Khuā	Hua	Hua	Khuok
			
Mū	Món	Mén	Mók
			
Mēo	Mǎn	Mẹng	Mọk
			
Áo	Uói	Úa	Ék
			
Ĕm	O	Ọ	Ěk

# PHẦN C

## QUY TẮC GHÉP CHỮ

- Sử dụng phụ âm cuối.
- May đứng sau Phụ âm đầu.
- May đứng trước Phụ âm đầu.
- May đứng trên/dưới Phụ âm đầu.
- May kép (hai ký tự ghép thành một may).
- Bán âm -ƶ- (-w-)
- Phụ âm cuối -ʻ làm âm câm

## X. SỬ DỤNG PHỤ ÂM CUỐI

### 1) -m (-m)

-m	Xăm	Hòm	Khuôm	Chùm	Hùm

### 2) -n (-n)

-n	Hìn	Khiên	Hươn	Đèn	Món

### 3) -o (-ng, -nh)

**-ng:**

-ng	Hàng	Luông	Xiêng	Phảng	Meng

**-nh:**

-nh	Kình(khìng)	Tênh (tềng)	Pình (pìng)	Hênh(hềng)	Manh

### 4) -p (-p)

- p	Kíp	Kíp	Hấp	Hấp	Húp

### 5) -o (-t)

- t	Khút	Khút	Dứt	Dứt	tốt

6) -и (-c, -k, -ch)

**-c:**

- c	Tác	Phắc	Phặc	Túc	Pốc

**-k:**

- k	Ták	Khék	Pók	Pọk	Pík

**-ch:**

- ch	Tách(téc)	Khách(khéc)	Cách(kéc)	Cạch(kẹc)	Pịch (píc)

7) -о (-u, -o)

**-ch:**

- o	Ào	Èo	Đào	Mèo	Hừu

**.. -u:**

- u	Khìu	Piêu	Êu

8) -ư (-i, -)

- i:

- i	Pài	Nội	Huôi	Nưói	Mỡi

.. – âm câm:

-	Quý	Quē	Que	Huệ	Quý

## XI. MAY ĐÚNG SAU PHỤ ÂM ĐẦU

### 1) May ca (-a-)

ᳵ	ᳵ᳚	ᳵ᳚᳚	ᳵ᳚᳚	ᳵ᳚᳚	ᳵ᳚᳚	ᳵ᳚᳚	ᳵ᳚᳚	ᳵ᳚᳚
ᳵ	ᳵ᳚	ᳵ᳚᳚	ᳵ᳚᳚	ᳵ᳚᳚	ᳵ᳚᳚	ᳵ᳚᳚	ᳵ᳚᳚	ᳵ᳚᳚
a	Háp	Mák	Khài	Khát	Xàm	Păn	Càng	Hào

### 2) May cã (-ăñ)

ᳵ	ᳵ᳚	ᳵ᳚	ᳵ᳚	ᳵ᳚	ᳵ᳚	ᳵ᳚	ᳵ᳚	ᳵ᳚
ᳵ	ᳵ᳚	ᳵ᳚	ᳵ᳚	ᳵ᳚	ᳵ᳚	ᳵ᳚	ᳵ᳚	ᳵ᳚
a	Păn	Păn	Păn	Păn	Păn	Khặñ	Chăñ	Chặñ

### 3) May cưa (-uô-, -ua)

ᳵ	ᳵ᳚	ᳵ᳚᳚	ᳵ᳚᳚	ᳵ᳚᳚	ᳵ᳚᳚	ᳵ᳚᳚	ᳵ᳚᳚	ᳵ᳚᳚
ᳵ	ᳵ᳚	ᳵ᳚᳚	ᳵ᳚᳚	ᳵ᳚᳚	ᳵ᳚᳚	ᳵ᳚᳚	ᳵ᳚᳚	ᳵ᳚᳚
-ua, -uô-	Háp	Mák	Khài	Khát	Xàm	Păn	Càng	Hào

### 4) May o (-o-)

ᳵ	ᳵ᳚	ᳵ᳚᳚	ᳵ᳚᳚	ᳵ᳚᳚	ᳵ᳚᳚	ᳵ᳚᳚	ᳵ᳚᳚
ᳵ	ᳵ᳚	ᳵ᳚᳚	ᳵ᳚᳚	ᳵ᳚᳚	ᳵ᳚᳚	ᳵ᳚᳚	ᳵ᳚᳚
o	Hóp	Mók	Hòi	Cót	Chòm	Nōn	Hong

## XII. MAY ĐÚNG TRÊN/DƯỚI PHỤ ÂM ĐẦU

### 5) May khót (-o)

ᳵ	ᳵ᳚	ᳵ᳚	ᳵ᳚	ᳵ᳚	ᳵ᳚	ᳵ᳚
ᳵ	ᳵ᳚	ᳵ᳚	ᳵ᳚	ᳵ᳚	ᳵ᳚	ᳵ᳚
o	Nò	Phó	Mỏ	Cõ	Po	Pọ

**6) May ki (i)**

ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ
ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ
i	Xí	Pík	Phít	Mít	Thím	Xìn	Pinh	Pìu

**7) May kia (-iê-, -ia)**

ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ
ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ
-iê-, -ia	Mĩa	Liệp	Pík	Việt	Chiệt	Xiềm	Điện	Liêng

**8) May cu (u)**

ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ
ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ
u	Túp	Púk	Xùì	Pút	Xùm	Bùn	Lūng

**9) May cư (ư)**

ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ
ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ
ư	Mư	Tưp	Thưc	Út	Lưm	Dưn	Mưng	Hưu

**10) May cãng (ã)**

**- Các cò: -ăc**

ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ
ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ	ˆ
ăc	Phăc	Phăc	Tăc	Tăc	Hăc	Hăc	Lăc	Lăc

**- Cắt đò: -ăt**

ố ồ ỗ ỏ ỗ ỗ ố ồ ỗ  
ố ồ ỗ ỏ ỗ ỗ ố ồ ỗ  
ăt Păt Păt Căt Căt Măt Măt Phăt Phăt

**- Càng ngō: -ăng**

ố ố ố ố ố ố ố  
ố ồ ỗ ỏ ỗ ỗ ố  
ăt Păt Păt Căt Căt Măt Măt

**11) May cặm (-ăm)**

**- Cặm: -ăm**

ư ồ ố ố ố ố ố  
ư ồ ố ố ố ố ố  
ư Đằm Khắm Thắm Cặm Cặm Nặm

**- Cặp bò: -ăp**

ư ư ố ố ố ố ố  
ư ư ố ố ố ố ố  
ăp Cặp Cặp Xấp Xấp Tấp Tấp



### XIII. MAY ĐÚNG TRƯỚC PHỤ ÂM ĐẦU

#### 12) May cưa (-ươ-, -ura)

- ươ-:

◌	◌	◌	◌	◌	◌	◌	◌
◌	◌	◌	◌	◌	◌	◌	◌
-ươ-	Cươp	Pươk	Uời	Luợt	Cướm	Bườn	Mường

- ura:

◌	◌	◌	◌	◌	◌	◌	◌
◌	◌	◌	◌	◌	◌	◌	◌
-ura	Cừa	Búra	Bừa	Mừa	Hừa	Mừa	Chừa

#### 13) May ke (e)

- e:

◌	◌	◌	◌	◌	◌	◌
◌	◌	◌	◌	◌	◌	◌
-e-	Kép	Khék	Lẹt	Kẻm	Bèn	Bẻo

- eng/anh:

◌	◌	◌	◌	◌	◌	◌
◌	◌	◌	◌	◌	◌	◌
-eng	Đềng	Tềng	Pềng	Lềng	Kềng	Lềng
-anh	Đành	Tánh	Pánh	Lanh	Canh	Lạnh

**14) May cay (-ay)**

ay	Cày	Cáy	Páy	Nāy	Hay	Hạy

**15) May caur (-aur)**

aur	Đaur	Phaur	Haur	Naur	Haur	Hạy

**16) May cô (ô)**

ô	Xóp	Pók	Một	Lôm	Khôn	Bông

**XIV. MAY KÉP**

**17) May kê (ê)**

ê	Chép	Néch	Pét	Tên	Tênh	Êu

**18) May cơ (ơ)**

ơ	Lợp	Lệch	Môi	Pót	Pòm	Ngõn	Hòng

**19) May cau (au)**

ເ	ເື	ເທ	ເືອ	ເທື	ເທືອ	ເືອື
ເ	ເື	ເທ	ເືອ	ເທື	ເທືອ	ເືອື
ê	Chép	Néch	Pét	Tên	Tênh	Êu

**XV. BÁN ÂM -ə- (-w-/-u-, -o-)**

ə	ກວຳ	ດວຳ	ແລວນ	ຫວາ	ຮົວາ	ຕວນ
ə	ກວຳ	ດວຳ	ແລວນ	ຫວາ	ຮົວາ	ຕວນ
-u-	Quàng	Quāi	Khoèn	Hỏa	Ngõa	Toản

**XVI. PHỤ ÂM CUỐI -ย LÀM ÂM CÂM**

ย	ຸ້ຍ	ເຸ້ຍ	ເຸ້ຍ	ເຸ້ຍ	ເຸ້ຍ
-ย	ຸ້ຍ	ເຸ້ຍ	ເຸ້ຍ	ເຸ້ຍ	ເຸ້ຍ
	Thủy	Quê	Que	Huệ	Quý

# PHẦN D

# PHỤ LỤC

- Sống chụ son sao (Trích)
- Hiến Hom (Trích)
- Một số bài đồng giao

**XVII. SÔNG CHỤ SON SAO (Trích)**

x̣u p̣i ɔ̣c n̄i ɔ̣c n̄i x̣o

ɣ̣u ɔ̣c ɔ̣a n̄i ɔ̣a

x̣u x̣o ɔ̣c ɔ̣c

x̣u x̣ ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c x̣o

ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c

ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c

ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c

ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c

x̣u x̣ ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c

ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c

ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c

x̣o ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c

ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c

x̣o ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c

x̣o ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c

ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c

ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c

ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c

x̣o ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c

ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c

ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c

ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c

x̣o ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c ɔ̣c



ເລາ ດີ ງຸ່ນ ເຫັນ ຫນ່ ເດດ ແອ ເຫຼ ຈືຫ ດີ ເອ້  
 ງຸ່ນ ຈິດ ຫຼື ປອກ ຈິມ ມາ ແກ້ວ ເລນ ຫິນ  
 ຫາກ ວ່າ ປີນ ນີ້ ຂາວ ເລນ ເປົ່ ບານ ຫຼຸດ  
 ຂາວ ເລນ ຫມອດ ບານ ເວາ  
 ບານ ນີ້ ເລາ ຫາ ດຳລັບ ຫຼື ດຳລັບ ເປົ່ ຫຼື  
 ແມ່ ເອ້ມ ແຟວ ນີ້ ວ່າ  
 ເຂ ແຕ່ ນອກ ມາ ແມ່ ຈິປັມ ອູ່ ເປັ  
 ຕາ ຂາວ ມີ ຂອດ ຂໍ ຫຼື ຫາ  
 ງຸ່ນ ຈິດ ຫຼື ປອກ ຈິມ ນີ້ ຂໍ ດຳລັບ ເປົ່ ເລນ ແນ ຫຼື ແຟວ ເທັດ  
 ຂໍ ຫິນ ແຟວ ດຳລັບ ງຸ່ນ ນີ້ ຂໍ ດຳລັບ ຂໍ ຫຼື  
 ຂໍ ນີ້ ອັນ ເປົ່ ງຸ່ນ ນີ້ ຂໍ ດຳລັບ ຂໍ ເວາ  
 ດຳລັບ ງຸ່ນ ນີ້ ຈິປັມ ເລາ ງຸ່ນ ມາ ຫ່ອນ ເນັ  
 ຈິປັມ ປາ ງຸ່ນ ນີ້  
 ແທ ຂາມ ຂອກ ນີ້ ຫຼື ຫຼື ຫຼື ຫມອດ  
 ມອດ ແຂນ ຕາ ນີ້ ຫຼື ຫຼື ຫຼື ນີ້  
 ງຸ່ນ ນີ້ ຈິປັມ ຫຼື ຫຼື ຫຼື ຫຼື ຫຼື  
 ງຸ່ນ ນີ້ ຫຼື ຫຼື ຫຼື ຫຼື ຫຼື ຫຼື  
 ງຸ່ນ ຈິນ ຈິດ ຈິນ ແດດ ແລ ປາ  
 ງຸ່ນ ດຳລັບ ຈິດ ປາ ນອກ ປາ ອ່ອນ ຫຼື ຫຼື  
 ພີ ຂາວ ງຸ່ນ ນີ້ ດັນ ຫາ ປີ່ວ  
 ປາ ຕາ ຫຼື ຫຼື ຫຼື ຫຼື ຫຼື ຫຼື ຫຼື ຫຼື  
 ປາ ຕາ ນອກ ປີ່ວ ຂາ ດວາ ຫາ  
 ປາ ຂາ ຫນ ງຸ່ນ ດຳລັບ ພີ ຫຼື ຫຼື ຫຼື

ຝັດ ຄົ້ນ ທີ່ ຈັດ ແພ່ ທຸ່ຍ ໂຕ  
 ດຳນ ທາ ນີ້ ເກົາ ນາ ນຸ່ ເອາ ແຫຼ  
 ດຳນ ທາ ແອ ເອາ ທຸ່ຍ  
 ເກົາ ນາ ດຳນ ເອາ ໝາກ ຊາວ ປາວ  
 ນີ້ ຈັດ ໝາກ ຟັກ ແວ່ ໝາກ ຟັກ  
 ຟູ່ ນັກ ເກົາ ແຂນ ງຸບ ຝັດ ທີ່  
 ນີ້ ທີ່ ດູ່ ໝາກ ກູ່ ຕາວ ຊັດ ດວາມ ເຂດ ທ່ອນ ດີ  
 ດຳນ ທາ ນີ້ ແຂນ ທາ ຟັ ຊາມ ຂີ້ ແທ່ ແມ່ ຊາມ ງັ ຂ  
 ຟູ່ ກູ່ ງຸ ທີ່ ໝາກ ດຳ ເຫຼ  
 ຟູ່ ກູ່ ນາ ດວາມ ເຂດ ດຳ ເຂາ  
 ຟູ່ ກູ່ ເອາ ຂອດ ແອາ ນີ້ ຈັດ ປູ່ ທ່ຽມ ແອນ ດັວ ທ່ຽມ ນາ  
 ດຳນ ກູ່ ນີ້ ດຳ ເອາ ດຳ ແອ ມາ ຝັດ ດູ່ ຈັດ  
 ເອາ ດຳ ຈັ ມາ ຝັດ ທີ່ ປາ  
 ດັດ ຕອດ ມາ ທີ່ ຟູ່ ທຸ່ຍ ກູ່  
 ອູ່ ຕານ ແທ່ ດູ່ ດີ  
 ປີ ຕານ ແທ່ ດູ່ ດີ  
 ທີ່ ຟູ່ ນອກ ດຳນ ທາ ນີ້ ເອາ ດຳ ດຳ  
 ທີ່ ໝາກ ນອກ ນີ້ ທີ່ ດຳ ໝາກ  
 ຂາຍ ຟູ່ ນັກ ນີ້ ທີ່ ດຳ ດຳ  
 ທີ່ ໝາກ ດຳ ນາວ ທ່ຽມ ແຂນ ແຂນ  
 ແຂນ ດວາມ ດຳ ນາວ ດຳ ທ່ຽມ ດຳ  
 ດອດ ດຳ ດຳ ດຳ ດຳ ດຳ ດຳ ດຳ ດຳ  
 ດອດ ດຳ ດຳ ດຳ ດຳ ດຳ ດຳ ດຳ



ລຸນ ທາ ນີ້ ດີ ພີ ທຸ ຂ ໄອບ  
 ໂນບ ພີ ແຟ ແທ້ ແມ່ ແຟ ແລ້ ດີ ອອບ ຂອບ ອອບ  
 ຂ ເປັນ ໂນທ ນອບ ໂນທ ໄຂມ ຂ ດ ຕຸປ  
 ຂ ເປັນ ເລັບ ທັກ ແທ້ ເລັບ ແຟ ແອນ ທວນ  
 ທາ ວາ ພີ ແຟ ປູ່ ກອບ ເໝ ດີ ເປາ ດານ ອັກ  
 ແມ່ ທຸ ປູ່ ກອບ ອັກ ກອບ ຕ ດີ ເປາ ດານ ປີ  
 ພີ ທຸ ແທ້ ແມ່ ແຟ ນີ້ ວາ  
 ດີ ດີ ທຸ ແທ້ ທາ ດີ ມັດ  
 ເປາ ດາດ ນີ ທຸ ນີ ແລ ປັ ອັບ ແນ  
 ເປາ ດາດ ຂານ ແທ ທັດ ເໝ ທຸ ປູ່ ທວນ  
 ມັດ ດີ ດັນ ຂຸ ອັດ ຂຸ ຕາ ນາຍ ນາ  
 ດັນ ຂຸ ບາ ແລ້ ກຸນ ເໝ ເທ ແມ່ ເຊັມ ມັດ ແນ  
 ລຸນ ກຸບ ນີ້ ດັດ ແລ້ ດັດ ເປາ ພີ  
 ທຸ ແລ້ ທຸ ເປາ ດີ  
 ມີ ແລັບ ລຸນ ກຸບ ແລ້ ທັ ທາ ດັນ ທຸບ  
 ມີ ແລວ ແລ້ ທັ ປາ ແຫຼວ ດາຍ ອາຍ ທາ  
 ດັນ ຂຸ ບາ ແລ້ ກຸນ ເໝ ເທ ແມ່ ເຊັມ ທາ ນາ  
 ອນ ທາ ອຸ ທ ໄຫມ ນີ ຕາ ດີ  
 ອຸ ທ ດີ ນີ ກອນ ຕາ ດັດ  
 ນີ ຕາ ທຸ ມາ ດັດ ທີ ເໝ  
 ນີ ຕາ ກອນ ດັບ ເຂ  
 ແລ້ ນີ ທຸ ທາ ດີ ທັ ມີ ແນ ດີ ດອບ ທຸບ ແນ ເຂ  
 ລຸບ ແມ່ ອຸ ທ ນານ ດີ ທັ ແລ ອນ ນາ





XVIII. HIÊN HOM (Trích)

ອ່ານ ນີ້ ທາ ນີ້ ຕ້ານ ທາຍ ດູ່ອ່າ ນີ້ ເວົ້າ ນີ້ ທ່ອນ ເມ່ ຂ້າວ

ປາວ ຕຸກ ຕຸກ ເມ່ ຕາ ພະຍາ ນີ້

ມີ ເຮືອ ດັ່ນ ຂ້າວ ເທົ່າ ຜູ້ ປ່າວ ໂທມ ຕອມ

ເປັນ ທຸກ ໃຈ ທັນ ທອມ ມະນ ເມ່ ງູ້ ເງົາ

ເຂົ້າ ແລ້ວ ທຸກ ທອມ ເທົ່າ ທັນ ທຸ້ ຂ້າວ ເຂົ້າ

ເປັນ ທຸກ ປານ ງູ້ ຟາຍ ອັນ ຂ້າວ

ເປົ່າ ທ້າວ ທັນ ດອມ ມີ ດູ່ ໂທມ ທາຍ ນາວ

ຜີ ເປັນ ທາວ ເທົ່າ ແຜນ ປາກ ໃນ ເທົ່າ ທະ

ແດນ ຕ້າວ ອັນ ມະນ ມະ ຂ້າວ ດັ່ນ ນັ້ນ ທຸ

ປີ ຕາມ ຂ້າວ ທາຍ ຟູ່ ອຸ່ນ ງັນ ເປົ່າ ໃຈ ແຜນ ຂີ້

ເປົ່າ ອັນ ໄດ້ ທັນ ຂ້າວ ເນື້ອ ທາ ທັນ ນອວ

ເປັນ ເຮືອ ແຟ້ວ ປ່າວ ຂ້າວ ທະນ ຕຸກ ຕຸກ ອັນ

ຂ້າວ ປ່າວ ດັ່ນ ປ່ອກ ງູ້ ທັນ ເຮືອ ທຸກ ຕຸກ

ທຸກ ປຸ່ນ ປານ ເທົ່າ ຂ້າວ ຕາມ ຂ້າວ

ນີ້ ເປົ່າ ງຸ້ ຕ້າວ ຂ້າວ ງຸ້ ທັນ ເມ່ ຕາ ງຸ້ ນາ!

ອ່ານ ນີ້ ນັ້ນ ປີ ອາຍ ນາວ ທອມ ປາວ ທ່ອນ ນັ້ນ ນາ

ນັດ ປູ່ທ ຂອບ ຫມາປັ ອັ ທັ ທັທ ເຂບ ບານ  
 ມັ ຖັ ດ ຫອບ ອາມ ເທັບ ປານ ແກ່ບ ແນວ ແຜ່ວ ແຜ່ວ  
 ໂຂມ ແຂ່ວ ປັ່ງ ຫອມ ແກ່ ຕາມ ຂອບ ໂຕ ດັ  
 ບຸນ ມັ ດັ ຫຸປ ຈັບ ຫຸປ ຂັ  
 ປູ່ ຕັ ແກ່ນ ດັບ ແກ່ ແທ່ ອອນ ຂຸບ ປັ່ງ ດັ ມັ  
 ແອວ ເຂ່າ ແທ່ບ ງຽວ ຂັນ ອອກ ຂັບ ອຸ່ນ ຈັບ ໂຕນ ຫຸ  
 ນານ ນັ້ວ ຂັດ ອັ ອັ ອອນ ນອປ ນາວ ຖັ ທັ ຫອມ  
 ພັ ນອມ ຟາ ອັ ອັ ແມ່ ດັບ ເງັບ ຕຸນ  
 ອາປ ຫາກ ອຸ່ນ ທັ ນອປ ແທ່ ແມ່ ອັ ແອວ  
 ອາວ ຂະ ແຟ່ ເຂັບ ແຂວ ງຽວ ໂງ່ວ ຫຸບ ຫາວ  
 ປູ່ນ ປານ ດັວ ມັ ຫ ນາວ ຈັ ຈັບ  
 ບານ ນຸບ ອາປ ແທ່ ນອບ ທຸ່ນ ໂຫມ ອັ ແຟ່  
 ນາວ ດັ ດັ ດັ ແຜ່ວ ເຊັມ ເທັບ ຫອປ ວັດ ແກ່ ເອ ຫັ້ວ  
 ເທັບ ນັ ຫ ຫັ ຫອບ ແນວ, ຫອນ ດັ  
 ນາ ຫອນ ຫອບ ນັ ນາວ ເຂັບ ແກ່  
 ແກ່ ຫຸບ ຫັ ຫອມ ມັ ຂັ ນັ ນາວ ຫາວ ນາ  
 ເຂັບ ດັ ນາ ແທ່ ແນວ ນອປ ເຊັມ ຈຸນ ນອປ

ນ້າ ໄຕ່າ ຫຸ່ຍ, ແດ່ ນ້ຳ ຫມ້ ຂັບ ແນ ອາປ  
 ນ້າ ອາປ ປອນ ແຕ່ ຫຸ່ຍ ນ້ອ ນາ ເອ້ ເຕ້  
 ດີ້ ເອ້ ມີ ຫມ້ ເລ້ ເນ ຕຸ່ຍ ປີ້ ຈຸ່ມ ຈິ ມາ  
 ເນ ປີ້ ຕັ້ ນາ ປາ ຫມ້  
 ຫມ້ ຈິ ມອມ ຂັບ ຂໍ ດາ ແອ  
 ນາ ຫອມ ແອ ປອ ຈິ ເທ ແອມ ຫຸ່ມ ຫານ  
 ຈັ ປັ ປານ ດາ ຈັ ອັ ແອ ຫຸ່ມ ຈິ  
 ວາ ແອ ດາ ປາ ຫັ ຫອນ ດີ້ ວາ ຂັ ຂໍ ແອ  
 ນາ ດີ້ ເງິ ປັ ປັ ປີ້ ຈີ້ ນອ ພັ ຈາ  
 ດາ ຈັ ເນ ແຕ່ ປຸ ຈິ ມີ ຫມ້ ແຕ່  
 ເຊັ ປັ ແອ, ນາ ຈຸ ຫຸ່ ຂາ ເອ້ ຈາ  
 ປຸ ປານ ດັ ມັ ນາ ຈິ ຫຸ່  
 ຕຸ່ ປັ ຈຸ ນັ ດັ ຫອມ ຈຸ ແພ ແອ  
 ຫອ ເຂ ຫມ້ ດັ ແອ ຈຸ ດາ ຈິ ຫອ  
 ນາ ຫາ ຕານ ຕັ ຕຸ່ ນອນ ດັ ຫມ້ ຫານ  
 ແພ ແອ ເອ້ ປາ ປານ ຈຸ ນາ ຕຸ່ ຕຸ່  
 ປາ ຫຸ ຫອ ຈິ ຈິ ມອນ ເລ້ ຈຸ ຈາ

ຟ້ວ ແອ ແຟ ນອ ມີ ນີ້ ຫຼື ຂ  
ທາ ວາ ນາ ດີ ທີ່ ທີ່ ທີ່ ວາ ຫຼື ໄອ ບາ ດາ ທນ  
ຫຼື ນີ້ ຄື ຫຼອມ ກຸນ ປີນ ປີ ແລ້ວ ເວ ທນ ປີອນ ໂດຍ ນາ  
ບາ ຫຼື ແອ ອຸ ນອ ຫຼື ເນ ດວາ ແອ  
ທາ ວາ ເປ ຂ ໂດຍ ທນ ຫອມ ທີ່ ອຸ  
ຫຼື ປາ ອຸ ຕອບ ເວ ທີ່ ເນ ໄຫຼ ກຸ ນາ ນາ  
ບາ ຫຼື ແອ ເນ ກຸ ນາ ແນ ທາ ຫຼື  
ຫຼອມ ນີ້ ອຸ ມຸ ທນ ທນ ແລ້ວ ອຸ ໂດຍ ວາ ນາ.

ຂຶ້ນ ມາ ນີ້ ໃນ ທາ ນາ ດີ ໂດຍ ເນ ພີ  
ພີ ອອ ຫຼື ໂຕນ ນາ ທີ່ ຫຼື ດີ ແອ  
ແນ ເອີ ຫຼື ຂ ແອ ຫຼື ຄື ປີນ ກຸ  
ປາ ເນ ຄື ເນ ຂອ ຕອ ແນ  
ເປ ອອ ດວນ ຫຼື ແອ ນີ້ ແອ ທນ ຫຼື ຕ  
ເນ ຫຼື ທນ ນີ້ ນາ ຫຼື  
ດີ ໂດຍ ແອ ແອ ຫຼື ຫຼື ຫຼື ຫຼື  
ຂຶ້ນ ໄຫຼ ຫຼື ດີ ຫຼື ຄື ແອ

ນາວ ດີ້ ດິປ ທຸປ ແລ້ວ ຕາ້ວ ແລ້ວ ປູ້ ດີ້  
 ກູ້ວ ເປີ້ ອີ້ນ ຂາວ ກູ້ ໝະຮັບ ນີ້ວ ມີ້ ທີ້  
 ທຸປ ປູ້ວ ຂາວ ເທວ ແຂ ທາ ນາວ  
 ຂາວ ປູ້ ບານ ຕາ້ວ ຊີ້ ດີ້ ທາທ ແລ້ວ ທຸມ  
 ໂລມ ມອນ ເນັ້ວ ບາວ ຂາວ ແລ້ວ ເຖ ເຜ ອີ້ນ  
 ທາທ ວ່າ ນາວ ເປີ້ ດີ້ ມີ້ ມັກ ສີ ງວ  
 ຂາວ ທຮວ ແລ້ວ ເປີ້ ງິ້ ກູ້ວ ແນ ຕາ ທອປ  
 ນາວ ນີ້ວ ດີ້ ປູ້ ແຂ້ວ ແທວ ເປີ້ ດວາມ ມີ້  
 ກູ້ ວ່າ ຕາ ແຂ ເຫັນ ທຸ້ ຂາວ ຕາ້ວ ໄຊ ທາປ ດີ້  
 ທາທ ວ່າ ນາວ ເປີ້ ອີ້ນ ໃນ ທຮວ ມັກ ແທວ ງິ້ ມັກ  
 ດີ້ ເປີ້ ນັ້ ປີ້ ພີ້ ທາວ ດວາມ ນີ້ວ ແລ້ວ  
 ປີ້ ນີ້ ດີ້ ແທວ ງິ້ ແມ່ນ ເຫັນ ເປີ້ ດີ້  
 ແທວ ທີ້ ເປີ້ ອຮັບ ເຊັ່ນ ງິ້ ປີ້  
 ມີ້ ເປີ້ ງິ້ ປາ ນາວ ທີ້ ທັກ ສີ ງວ, ວ່າ ນາ!  
 (ກູ້ວ ຕັ້ມ.....)



**XIX. MỘT SỐ BÀI ĐỒNG GIAO**

**ຂາມ ຄຳ - Xăm Xāy (Ba thầy)**

ຂ້າ ຈັກ ເໝ ທ້ວຢ ດອດ ເຮັດ ເລັດ ເຮັມ ອາຢ  
ຂ້ ຈຸ້ ປ້ອຢ ປາທ ເວາ ທາຢ ເໝັຢ ຄຳ ຂອນ  
ຈາ ເລັດ ຈັດ ຊັດ ອາວ ປານ ດຳດ  
ເບ່າ ປ່ຳດ ບໍາ ດາດ ຈັດ ເຮັ ຈຸ້ ຂາມ ຄຳ

Chăm làm quý của giống mẹ cha  
Văn hay chữ tốt hết cô giáo  
Ăn ngay nói thẳng được bà con  
Khôn ngoan tài đức bởi ba thầy.

(Đ ๒๑)

(Cầm Biêu)

**ຊັບ ແດທ ແດດ - Khấp khék đét (Hát gọi nắng)**

ເນ່ອຢ ຂັດ ດັ ຈຸ້ ຈຸ້ ຈຸ້ ຈຸ້ - Toi xiêng cō khí chọn chā - Theo lời ca chơi đu)  
ແດດ ເຮັ... ແດດ... ແດດ ...  
ແດດ ເຮັ ທຸ້ ແດດ ເທຣ... ເທຣ...  
ເລັດ ເລັດ ທັນ ເລັດ ທາວ... ທາວ...  
ຈິນ ບ້ານ ເລັດ ທັນ ເລັດ ຂຸ້ ດາ... ດາ...  
ຈິນ ຈິນ ທັນ ປາ ປັດ ໂພ... ໂພ...  
ແດດ ເຮັ ແດດ... ແດດ...  
ທັ ທາວ ນີ້ ຈັດ ທັນ ເລັດ ແດດ ແຂ່ນ... ແຂ່ນ...  
ຕຸ້ ແດດ ປ້າວ ໝາທ ມ່ຳດ ໝາທ ແຕດ ຕາຢ... ຕາຢ...  
ແດດ ແດດ ເບ່າ ອັນ ຈັດ... ຈັດ...  
ແດດ ຈັດ ບ້ານ ເລັດ ທຳ... ທຳ...  
ຈາ ມັ ທຸບ ນ້ອດ ປ່ຳ... ປ່ຳ...

ຖາ ຝັຖ ທຣ ນີ້ ມູ້... ມູ້...  
ທູ້ ຕຸ້ວ ນ້ຳ ຈ ທອດ ຕຸ້ວ... ຕຸ້ວ...  
ຮັ ຮັ ເຮ ພ້ານ ທັດ... ທັດ...  
ເປັນ ທຸນ ທັດ ປູ້ ໄທ່... ໄທ່...

**ແດທ ເຂມ- Khék lôm (Gọi gió)**

ເນ່ອຢ ຂັບ ດັ ດັ ກຸ່ນ ກຸ່ນ - Toi xiêng cō khí chọn chā - Theo lời ca chơi đu)

ເຂມ ເປີ່... ເຂມ...

ນ້ຳ ເຂມ ພັດ ນ້ຳ ເຂມ ປັວ... ປັວ...

ເຂມ ມາ ຕ້ອບ ນີ້ ມ່ຣ ທອນ ປັວ... ປັວ...

ເຂມ ມາ ຕ້ອບ ນີ້ ຈັ ທອນ ເຂມ... ເຂມ...

ເຂມ ມາ ຕ້ອບ ນີ້ ບ້າ ນີ້ ທັດ ທັດ ອຸ່ມ... ອຸ່ມ...

ເຂມ ເປີ່ ທຸ້ ເຂມ ເປີ່... ເຂມ...

**ແດທ ເຜ່ນ - Khék phòn (Gọi mưa)**

ເນ່ອຢ ຂັບ ດັ ດັ ກຸ່ນ ກຸ່ນ - Toi xiêng cō khí chọn chā - Theo lời ca chơi đu)

ເຜ່ນ ເປີ່ ເຜ່ນ... ເຜ່ນ

ເຜ່ນ ນ້ອຢ ທຸ ເປ່າ ອາຢ... ອາຢ

ເຜ່ນ ທຸຢ ທຸ ເປ່າ ປັ່ນ

ເຜ່ນ ໄກ່ນ ໄກ່ນ ທັດ ແຣ... ແຣ

ຮິນ ແຣ ຈ່າ ທັດ ນີ້ ອ້ອຢ... ອ້ອຢ

ເຜ່ນ ເປີ່ ເຜ່ນ... ເຜ່ນ

ເຜ່ນ ໄກ່ນ ເຮ ຮັ ທັດ... ທັດ...

หน้า ท้อบ ใจบ ใจท่ นา... นา

น้อบ น้อบ ใจท่ หน้า ทบี่ ปา... ปา..

แจ่ม อา เป่า ปาท ช้นอ ปาท ช้นอ... ช้นอ

อ้อบ ฉี่ ด้บ เา น้อบ... น้อบ..

แจ่ม ฉี่ บุบ น้อบ ฉ่า... ฉ่า..

เต่า ด้บ ใจ เา ด้บ มา ทา... ทา..